

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 80

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	Áp lực (PN)			Áp lực (PN)			Áp lực (PN)			Áp lực (PN)					
		06 bar			08 bar			10 bar			12.5 bar			16 bar		
		Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
1	20									2.0	7,545	8,300	2.3	9,091	10,000	
2	25						2.0	9,818	10,800	2.3	11,455	12,600	3.0	13,727	15,100	
3	32				2.0	13,455	14,800	2.4	15,727	17,300	3.0	18,909	20,800	3.6	22,636	24,900
4	40	2.0	16,636	18,300	2.4	20,091	22,100	3.0	24,273	26,700	3.7	29,182	32,100	4.5	34,636	38,100
5	50	2.4	25,818	28,400	3.0	31,273	34,400	3.7	37,364	41,100	4.6	45,182	49,700	5.6	53,545	58,900
6	63	3.0	39,909	43,900	3.8	49,727	54,700	4.7	59,636	65,600	5.8	71,818	79,000	7.1	85,273	93,800
7	75	3.6	56,727	62,400	4.5	70,364	77,400	5.6	85,273	93,800	6.8	100,455	110,500	8.4	120,818	132,900
8	90	4.3	91,273	100,400	5.4	101,909	112,100	6.7	120,818	132,900	8.2	144,545	159,000	10.1	173,455	190,800
9	110	5.3	120,364	132,400	6.6	148,182	163,000	8.1	182,545	200,800	10.0	216,273	237,900	12.3	262,545	288,800
10	125	6.0	155,091	170,600	7.4	189,364	208,300	9.2	232,909	256,200	11.4	281,455	309,600	14.0	336,545	370,200
11	140	6.7	192,727	212,000	8.3	237,455	261,200	10.3	290,364	319,400	12.7	347,182	381,900	15.7	420,545	462,600
12	160	7.7	253,273	278,600	9.5	309,727	340,700	11.8	380,909	419,000	14.6	456,364	502,000	17.9	551,818	607,000
13	180	8.6	318,545	350,400	10.7	392,818	432,100	13.3	481,636	529,800	16.4	578,818	636,700	20.1	697,455	767,200
14	200	9.6	395,818	435,400	11.9	488,091	536,900	14.7	599,455	659,400	18.2	714,091	785,500	22.4	867,545	954,300
15	225	10.8	499,091	549,000	13.4	616,273	677,900	16.6	740,455	814,500	20.5	893,182	982,500	25.2	1,073,182	1,180,500
16	250	11.9	610,636	671,700	14.8	757,364	833,100	18.4	915,636	1,007,200	22.7	1,116,909	1,228,600	27.9	1,325,636	1,458,200
17	280	13.4	768,455	845,300	16.6	950,818	1,045,900	20.6	1,148,545	1,263,400	25.4	1,399,727	1,539,700	31.3	1,660,727	1,826,800
18	315	15.0	965,909	1,062,500	18.7	1,203,545	1,323,900	23.2	1,453,091	1,598,400	28.6	1,749,545	1,924,500	35.2	2,112,727	2,324,000
19	355	16.9	1,235,636	1,359,200	21.1	1,516,909	1,668,600	26.1	1,844,818	2,029,300	32.2	2,220,000	2,442,000	39.7	2,681,909	2,950,100
20	400	19.1	1,556,909	1,712,600	23.7	1,937,091	2,130,800	29.4	2,345,545	2,580,100	36.3	2,817,455	3,099,200	44.7	3,412,000	3,753,200
21	450	21.5	1,987,273	2,186,000	26.7	2,436,000	2,679,600	33.1	2,970,000	3,267,000	40.9	3,560,909	3,917,000	50.3	4,310,909	4,742,000
22	500	23.9	2,430,818	2,673,900	29.7	3,027,091	3,329,800	36.8	3,683,091	4,051,400	45.4	4,429,818	4,872,800	55.8	5,342,091	5,876,300
23	560	26.7	3,332,727	3,666,000	33.2	4,091,818	4,501,000	41.2	4,994,545	5,494,000	50.8	6,032,727	6,363,000			
24	630	30.0	4,210,990	4,632,000	37.4	5,182,727	5,701,000	46.3	6,312,727	6,944,000	57.2	7,167,273	7,884,000			
25	710	33.9	5,369,091	5,906,000	42.1	6,586,364	7,245,000	52.2	8,031,818	8,835,000	64.5	9,723,636	10,696,000			
26	800	38.1	6,805,455	7,486,000	47.4	8,351,919	9,187,000	58.8	8,578,182	9,436,000						
27	900	42.9	8,610,909	9,472,000	53.3	10,564,545	11,621,000	66.2	12,907,273	14,198,000						
28	1000	47.7	10,639,091	11,703,000	59.3	13,056,364	14,362,000									
29	1200	57.2	15,312,727	16,844,000	67.9	17,985,455	19,784,000									



TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HOÀNG TUNG

Hotline: 1900 7257

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

[illegible]



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HOÀNG TUNG

Địa chỉ: C4/3A Bùi Thanh Khiết, KP.3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Hotline: 1900 7257

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE80

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Mã sản phẩm	Áp lực (PN)	Nối chuyển bậc phun (Nối giảm phun)		Tê chuyển bậc phun Ba chạc 90° chuyển bậc phun		Đầu nối chuyển bậc phun dán	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
24	25-20	16.0	25,364	27,900	39,091	43,000		
25	32-20	16.0	35,091	38,600	53,091	58,400		
26	32-25	16.0	35,727	39,300	53,727	59,100		
27	40-20	10.0	36,000	39,600				
28	40-20	16.0			63,636	70,000		
29	40-25	16.0	38,364	42,200	69,909	76,900		
30	40-32	16.0	43,636	48,000	65,273	71,800		
31	50-25	10.0	44,000	48,400				
32	50-25	16.0			77,455	85,200		
33	50-32	16.0	46,091	50,700	98,727	108,600		
34	50-40	16.0	57,818	63,600	95,636	105,200		
35	63-20	16.0	61,091	67,200				
36	63-25	16.0	72,364	79,600	110,091	121,100		
37	63-32	16.0			111,727	122,900		
38	63-40	16.0	79,909	87,900	116,818	128,500		
39	63-50	16.0	80,909	89,000	118,273	130,100		
40	75-50	10.0	130,909	144,000	233,455	256,800		
41	75-63	10.0	152,727	168,000	211,636	232,800		
42	90-63	10.0	174,909	192,400	377,000	414,700		
43	90-75	10.0	235,636	259,200	405,364	445,900		
44	40-32-25-20	10.0					4,455	4,900
45	90-63-50-32-20	10.0					8,000	8,800
46	90-75-63	10.0					31,545	34,700
47	125-110-90	10.0					83,091	91,400
48	160-140-125	10.0					129,727	142,700
49	200-180-160	10.0					176,818	194,500



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM

TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HOÀNG TUNG

Địa chỉ: C4/3A Bùi Thanh Khiết, KP.3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Hotline: 1900 7257

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE80

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm DN	Áp lực (PN)	Co PE80 hàn (Nối góc 90°)		Lợi PE80 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE80 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE80 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE80 hàn (Ba chạc 60°)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
94	90	6.0	117,818	129,600	90,091	99,100	179,182	197,100	169,455	186,400	189,818	208,800
95	90	8.0	142,636	156,900	109,091	120,000	215,182	236,700	202,545	222,800	227,364	250,100
96	90	10.0	170,909	188,000	130,909	144,000						
97	90	12.5	204,455	224,900	156,273	171,900						
98	110	6.0	178,636	196,500	136,273	149,900	272,636	299,900	283,364	311,700	306,182	336,800
99	110	8.0	215,636	237,200	164,545	181,000	327,182	359,900	339,818	373,800	367,545	404,300
100	110	10.0	259,000	284,900	197,636	217,400						
101	110	12.5	311,091	342,200	237,091	260,800						
102	125	6.0	231,727	254,900	174,273	191,700	359,273	395,200	409,909	450,900	421,091	463,200
103	125	8.0	282,818	311,100	212,727	234,000	429,364	472,300	491,727	540,900	504,364	554,800
104	125	10.0	342,727	377,000	258,000	283,800						
105	125	12.5	410,909	452,000	309,091	340,000						
106	140	6.0	301,364	331,500	229,273	252,200	454,727	500,200	511,182	562,300	550,636	605,700
107	140	8.0	367,545	404,300	279,909	307,900	547,182	601,900	616,273	677,900	662,091	728,300
108	140	10.0	443,455	487,800	337,364	371,100						
109	140	12.5	533,545	586,900	406,000	446,600						
110	160	6.0	399,636	439,600	301,818	332,000	610,455	671,500	740,000	814,000	792,545	871,800
111	160	8.0	486,364	535,000	367,091	403,800	728,273	801,100	884,091	972,500	946,364	1,041,000
112	160	10.0	591,000	650,100	445,909	490,500						
113	160	12.5	705,909	776,500	532,545	585,800						
114	180	6.0	523,818	576,200	387,000	425,700	786,727	865,400	1,046,636	1,151,300	1,115,818	1,227,400
115	180	8.0	642,091	706,300	474,636	522,100	944,455	1,038,900	1,252,091	1,377,300	1,333,909	1,467,300
116	180	10.0	775,000	852,500	573,000	630,300						
117	180	12.5	926,455	1,019,100	684,455	752,900						
118	200	6.0	663,545	729,900	491,182	540,300	992,091	1,091,300	1,396,182	1,535,800	1,483,818	1,632,200
119	200	8.0	807,182	887,900	597,818	657,600	1,183,000	1,301,300	1,678,545	1,846,400	1,782,727	1,961,000



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HOÀNG TUNG

Địa chỉ: C4/3A Bùi Thanh Khiết, KP.3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Hotline: 1900 7257

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE80

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm		Co PE80 hàn		Lõi PE80 hàn		Tê PE80 hàn		Y PE80 hàn		Y PE80 hàn	
			(Nối góc 90°)		(Nối góc 45°)		(Ba chạc 90°)		(Ba chạc 45°)		(Ba chạc 60°)	
	ĐK danh nghĩa	ĐK thực tế	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
120	200	10.0	978,545	1,076,400	724,364	796,800						
121	200	12.5	1,175,636	1,293,200	870,455	957,500						
122	225	6.0	869,909	956,900	628,000	690,800	1,282,273	1,410,500	1,878,182	2,066,000	2,031,000	2,234,100
123	225	8.0	1,059,273	1,165,200	764,273	840,700	1,546,091	1,700,700	2,248,091	2,472,900	2,431,182	2,674,300
124	225	10.0	1,282,727	1,411,000	925,455	1,018,000						
125	225	12.5	1,535,455	1,689,000	1,108,000	1,218,800						
126	250	6.0	1,309,091	1,440,000	1,006,273	1,106,900	1,625,000	1,787,500	2,402,909	2,643,200	2,595,727	2,855,300
127	250	8.0	1,594,364	1,753,800	1,225,364	1,347,900	1,945,364	2,139,900	2,878,091	3,165,900	3,108,364	3,419,200
128	250	10.0	1,927,818	2,120,600	1,481,364	1,629,500						
129	250	12.5	2,308,455	2,539,300	1,774,000	1,951,400						
130	280	6.0	1,741,364	1,915,500	1,288,636	1,417,500	2,095,273	2,304,800	3,029,000	3,331,900	3,358,091	3,693,900
131	280	8.0	2,120,091	2,332,100	1,569,000	1,725,900	2,508,091	2,758,900	3,640,455	4,004,500	4,036,182	4,439,800
132	280	10.0	2,561,636	2,817,800	1,895,636	2,085,200						
133	280	12.5	3,079,091	3,387,000	2,278,818	2,506,700						
134	315	6.0	2,521,727	2,773,900	1,842,091	2,026,300	2,729,091	3,002,000	4,072,727	4,480,000	4,574,636	5,032,100
135	315	8.0	3,069,364	3,376,300	2,242,273	2,466,500	3,284,091	3,612,500	4,896,455	5,386,100	5,500,091	6,050,100
136	315	10.0	3,703,727	4,074,100	2,705,273	2,975,800						
137	315	12.5	4,452,909	4,898,200	3,252,455	3,577,700						
138	355	6.0	3,899,455	4,289,400	2,628,818	2,891,700	5,015,182	5,516,700	5,393,000	5,932,300	5,984,909	6,583,400
139	355	8.0	4,742,545	5,216,800	3,196,909	3,516,600	6,033,636	6,637,000	6,485,364	7,133,900	7,196,636	7,916,300
140	355	10.0	5,726,000	6,298,600	3,860,000	4,246,000						
141	355	12.5	6,885,545	7,574,100	4,641,364	5,105,500						
142	400	6.0	5,039,545	5,543,500	3,513,364	3,864,700	6,554,545	7,210,000	7,486,273	8,234,900	8,342,091	9,176,300
143	400	8.0	6,151,455	6,766,600	4,288,364	4,717,200	7,871,818	8,659,000	9,005,182	9,905,700	10,034,818	11,038,300
144	400	10.0	7,424,909	8,167,400	5,175,818	5,693,400						
145	400	12.5	8,931,636	9,824,800	6,225,909	6,848,500						

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM****TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HOÀNG TUNG**

Địa chỉ: C4/3A Bùi Thanh Khiết, KP.3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Hotline: 1900 7257**BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE80**

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 15-09-2017 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm	Áp lực (PN)	Co PE80 hàn (Nối góc 90°)		Lõi PE80 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE80 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE80 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE80 hàn (Ba chạc 60°)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
146	450	6.0	6,634,364	7,297,800	4,714,364	5,185,800	8,554,364	9,409,800	10,386,727	11,425,400	11,245,000	12,369,500
147	450	8.0	8,088,000	8,896,800	5,747,364	6,322,100	10,256,273	11,281,900	12,463,545	13,709,900	13,494,636	14,844,100
148	450	10.0	9,783,545	10,761,900	6,952,273	7,647,500						
149	450	12.5	11,740,636	12,914,700	8,342,636	9,176,900						
150	500	6.0	8,850,818	9,735,900	6,580,364	7,238,400	10,864,818	11,951,300	16,694,000	18,363,400	17,485,545	19,234,100
151	500	8.0	10,762,091	11,838,300	8,001,364	8,801,500	13,020,455	14,322,500	19,991,636	21,990,800	20,939,000	23,032,900
152	500	10.0	13,035,000	14,338,500	9,691,091	10,660,200						
153	500	12.5	15,609,818	17,170,800	11,605,273	12,765,800						
154	560	6.0	12,162,273	13,378,500	8,872,636	9,759,900	17,270,818	18,997,900	24,989,364	27,488,300	26,334,182	28,967,600
155	560	8.0	14,847,455	16,332,200	10,831,182	11,914,300			29,999,636	32,999,600		
156	560	10.0	17,932,545	19,725,800	13,081,727	14,389,900						
157	630	6.0	16,594,818	18,254,300	11,583,909	12,742,300	22,532,727	24,786,000	33,225,364	36,547,900	35,425,727	38,968,300
158	630	8.0	20,229,000	22,251,900	14,120,818	15,532,900						
159	630	10.0	24,390,000	26,829,000	17,025,364	18,727,900						
160	710	6.0	23,355,000	25,690,500	15,534,182	17,087,600	30,579,545	33,637,500	48,501,818	53,352,000	51,585,818	56,744,400
161	710	8.0	28,364,818	31,201,300	18,866,273	20,752,900						
162	710	10.0	34,461,818	37,908,000	22,921,364	25,213,500						
163	800	6.0	32,187,273	35,406,000	20,331,818	22,365,000			64,581,182	71,039,300		
164	800	8.0	39,084,545	42,993,000	24,688,636	27,157,500						
165	900	6.0	45,424,455	49,966,900	28,768,818	31,645,700			89,216,636	98,138,300		
166	900	8.0	55,411,364	60,952,500	35,093,909	38,603,300						
167	1000	6.0	62,498,909	68,748,800	39,607,636	43,568,400			121,456,000	133,601,600		
168	1000	8.0	76,784,364	84,462,800	48,660,818	53,526,900						
169	1200	6.0	97,950,727	107,745,800	60,437,091	66,480,800						